TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 5 - 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:37/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đào Văn T, sinh năm 1978, có mặt;

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Phạm Thị G, sinh năm 1979, có mặt;

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đào Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1994, anh và chị G có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau. Ngày 18 tháng 11 năm 2002, anh và chị G đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N). Thời gian đầu chung sống, gia đình hạnh phúc nhưng từ năm 2016 đến nay, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tranh cãi với nhau, hàn gắn nhiều lần nhưng không được; anh T thừa nhận đi ra ngoài làm ăn cũng có quen biết và quan hệ

tình cảm với người phụ nữ khác. Xét thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục được nữa. Nên anh T xin ly hôn với chị G.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Đào Thị A, sinh năm 1995 và Đào Minh C, sinh năm 1999, đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của chị Phạm Thị G: Thời gian chung sống và đăng ký kết hôn đúng như anh T trình bày. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tranh cãi với nhau, hàn gắn nhiều lần nhưng không được do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng vì thương chồng thương con, nên chị vẫn chấp nhận. Chị ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị không thống nhất ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Đào Thị A, sinh năm 1995 và Đào Minh C, sinh năm 1999, đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đào Văn T, nên các vấn đề khác không xem xét, giải quyết.

Các đương sự đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đào Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị G được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Ngày 18 tháng 11 năm 2002, anh Đào Văn T và chị Phạm Thị G đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp) là hôn nhân hợp pháp.

[3] Từ năm 2016 cho đến nay, anh T và chị G đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác (chính anh T thừa nhận tại phiên tòa). Nên anh T xin ly hôn với chị G, còn chị G thì không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do lỗi của anh T, nhưng chị G vẫn tha thứ, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để gia đình hạnh phúc, đầm ấm. Như vậy, anh T và chị G có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích chung của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[4] Do không cho ly hôn, nên Hội đồng xét xử sẽ không xem xét, giải quyết các vấn đề khác như: con chung, tài sản và nợ chung.

[5] Ngày 09 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã N có công văn số:19/TA-HNGĐ gửi Ủy ban nhân dân phường T, về việc cung cấp thông tin sau: Trong thời gian chung sống tại địa phương, vợ chồng anh T có hoàn cảnh thế nào; nguyên nhân phát sinh tranh chấp (mâu thuẫn) dẫn đến yêu cầu xin ly hôn; vợ chồng anh T có tâm tư, nguyện vọng gì không, nhưng đến nay, Tòa án chưa nhận được kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N. Tuy nhiên, do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, nên không cần thiết phải chờ kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân phường T.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là có căn cứ, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, anh Đào Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; chị Phạm Thị G không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đào Văn T.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Anh Đào Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số:02546 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; anh Đào Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Chị Phạm Thị G không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 5 năm 2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Trung